

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**
Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày: 30/8/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Hòa.

Ông Hồng Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Duy B, sinh năm 1974; sinh, trú quán: thôn 6, xã HA, huyện QS, tỉnh QN; nghề nghiệp: thợ chẻ đá; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị D (đã chết); có vợ tên Lê Thị B, sinh năm 1974 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2018 đến ngày 05/6/2018 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt.

2. Bị cáo Tô Thành Th, sinh năm 1972; sinh, trú quán: thôn 1, xã QC, huyện QS, tỉnh QN; nghề nghiệp: thợ đục đá; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Tấn Th, sinh năm 1947 và bà Trần Th T, sinh năm 1948; có vợ tên Trần Th Th, sinh năm 1975 và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2018 đến ngày 05/6/2018 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt.

3. Bị cáo Bùi Văn D, sinh năm 1972; sinh, trú quán: thôn Đông P, xã Đại H,

huyện Đ L, tỉnh QN; nghề nghiệp: thợ khoan nổ mìn; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi D, sinh năm 1936 và bà Phan Thị M, sinh năm 1936; có vợ tên Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1972 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 24/5/2018, đến ngày 19/6/2018 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. *Có mặt.*

4. Bị cáo Võ H D, sinh năm 1980; sinh, trú quán: thôn Liễu Trì, xã BN, huyện Th B, tỉnh QN; nghề nghiệp: chỉ huy công trình; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Ph, sinh năm 1954 và bà Võ Thị T, sinh năm 1958; có vợ tên Nguyễn Thị D L, sinh năm 1990 và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. *Có mặt.*

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn D: Ông Lê Văn Anh - Luật sư Văn phòng Luật sư Lê Văn Anh, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH Nhật Huy. Địa chỉ: Tổ 2, thôn Liễu Trì, xã BN, huyện Th B, tỉnh QN. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn V L, chức danh: Giám đốc. *Vắng mặt.*

- Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng thanh niên xung phong Đà Nẵng. Địa chỉ: số 16. đường Lý Triện, phường AK, quận Th K, thành phố ĐN. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đ Q, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị. *Vắng mặt.*

- Anh Phùng V C(tên gọi khác: B), sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn Phước Chánh, xã Ph T, huyện QS, tỉnh QN. *Vắng mặt.*

- Anh Hhuỳnh Đ N, sinh năm 1992. Địa chỉ: Đội 2, thôn 1, xã BL, huyện Th B, tỉnh QN. *Có mặt.*

- Anh Tô T N, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn 1, xã QC, huyện QS, tỉnh QN. *Vắng mặt.*

- Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn Đông P, xã Đại H, huyện Đ L, tỉnh QN. *Có mặt.*

- Anh Lê M T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn Xuân P, xã QX 1, huyện QS, tỉnh QN. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 09 giờ 00 phút ngày 25/01/2018, tại Cụm công nghiệp Quế Cường (thuộc thôn Thạch Khê, xã Quế Cường, huyện Quế Sơn), Cơ quan An ninh điều tra và Phòng PC64 Công an tỉnh Quảng Nam lập Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang đối với các bị cáo Nguyễn Duy B, Tô Thành Th và ông Phùng V C về tội sử dụng trái phép vật liệu nổ. Đồng thời, cơ quan điều tra tổ chức tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định có 73 lỗ khoan đá, trong đó có 30 lỗ khoan đá đã nhồi thuốc nổ, kíp nổ điện và đã nối dây điện. Tạm giữ tại hiện trường 16 kíp nổ các loại; 7,6 kg thuốc nổ và một số dụng cụ, phương tiện sử dụng vật liệu nổ, tài sản có liên quan là máy nén khí, búa khoan hơi, 01 cây gỗ, 01 ống nhựa, 04 điện thoại di động, 01 xe máy. Cơ quan điều tra đã trích mẫu vật chứng là vật liệu nổ để trưng cầu giám định. Kết quả giám định số 2340/KLGĐ ngày 31/01/2018 của Hội đồng giám định VK-VLN thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam kết luận: Vật liệu nổ tạm giữ trong vụ án còn sử dụng được.

Quá trình điều tra, thu thập tài liệu, chứng cứ xác định:

Ngày 07/6/2016, Ban quản lý các dự án đầu tư và xây dựng Quế Sơn ký hợp đồng với Công ty TNHH Nh H để thi công xây dựng công trình “Kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Quế Cường”. Ông Nguyễn V L - Giám đốc Công ty TNHH Nh H ký Quyết định số 07/QĐ-BCHCT ngày 09/6/2016 cử bị cáo Võ H D làm Chỉ huy trưởng công trình và Quyết định số 09/QĐ-BCHCT ngày 12/9/2017 cử anh H huỳnh Đ N giúp Chỉ huy trưởng về kỹ thuật.

Đầu năm 2017, trong quá trình thi công mương dọc, cống thoát nước thì gặp đá mờ côi, bị cáo Đ đã tìm gặp và hợp đồng miệng với các bị cáo Th, B (là những thợ chẻ đá ở Quế Sơn) để phá đá thủ công. Vào tháng 12/2017, do gặp bãi đá lớn không thể đục phá bằng các dụng cụ thủ công nên các bị cáo Đ, B, Th thỏa thuận miệng về việc dùng vật liệu nổ để phá đá. Đơn giá thuê khoan đá là 70.000 đồng/01m chiều sâu lỗ khoan đá; 300.000 đồng khi nổ mìn 01 lỗ khoan đá. Khi thanh toán tiền công thì các bị cáo B, Th sẽ bồi dưỡng lại cho bị cáo Đ 50.000 đồng/01 lỗ khoan đá đã nổ mìn. Máy nén khí, búa khoan, cần khoan thì bị cáo Đ cung cấp, vật liệu nổ thì bị cáo B và Th tự lo. Khi khoan lỗ xong thì báo cho bị cáo Đ để kiểm tra tính tiền rồi mới cho nổ mìn và sau mỗi đợt nổ mìn thì bị cáo Th, B báo cho bị cáo Đ nghiệm thu để quyết định có nổ mìn tiếp hay không. Việc thuê người nổ mìn phá đá do bị cáo Đ quyết định, không báo cho Giám đốc Công ty TNHH Nh H biết và cũng không nói cho Huỳnh Đức Nam biết.

Sau khi thống nhất sử dụng vật liệu nổ để phá đá, các bị cáo B, Th liên lạc qua điện thoại với bị cáo Bùi Văn D, là thợ mìn cùng phá đá trước đây với bị cáo B, Th để mua vật liệu nổ. Từ tháng 12/2017 đến tháng 01/2018, bị cáo B và Th 03 lần dùng xe mô tô 92G1-153.48 (xe của Tô T N) đến nhà bị cáo D tại xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc để mua vật liệu nổ vận chuyển về Quế Sơn cất giấu sử dụng dần, trong đó một lần vào tháng 12/2017, hai lần vào tháng 01/2018; mỗi lần 04 kg

thuốc nổ và 30 kíp nổ. Giá mua bán kíp nổ lần đầu là 20.000 đồng/01 kíp nổ điện, hai lần sau là 25.000 đồng/01 kíp nổ điện, giá thuốc nổ là 200.000 đồng/01 kg.

Nguồn vật liệu nổ bị cáo D bán trái phép là từ công trình tuyến đường biên giới tại xã Chợ Chun, huyện Nam Giang và sân vận động Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang do Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng thanh niên xung phong Đà Nẵng thi công mà bị cáo D đã trộm cắp khi phụ giúp kiểm tra các lỗ khoan nổ mìn ở đây. Khoảng giữa năm 2017, tại công trình tuyến đường biên giới xã Chợ Chun, bị cáo D trộm 12 kg thuốc nổ công nghiệp nhũ tương Ø32 và nhiều kíp nổ điện K8 mang đến giấu trong hốc đá gần công trình. Khoảng giữa tháng 12/2017 đến đầu tháng 01/2018, khi các bị cáo B, Th liên hệ mua vật liệu nổ thì bị cáo D dùng xe mô tô 92H3-0544 (xe của Nguyễn Thị Ch) vận chuyển về huyện Đại Lộc cất giấu và bán cho các bị cáo B, Th 02 lần, mỗi lần 04kg thuốc nổ và 30 kíp nổ K8. Khoảng giữa tháng 01/2018, khi bị cáo B, Th lần thứ ba hỏi mua vật liệu nổ thì bị cáo D còn 04kg thuốc nổ nhưng thiếu kíp nổ (không đủ 30 chiếc) nên bị cáo D đến công trình thi công sân vận động Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang trộm khoảng 05 chiếc kíp nổ Visai. D cho số kíp Visai này chung với số kíp K8 để đủ 30 chiếc mang về bán cho các bị cáo Th, B cùng 04kg thuốc nổ.

Sau khi mua được vật liệu nổ, bị cáo Th và B đã tổ chức nổ mìn phá đá tại công trình Cụm Công nghiệp Quế Cường, Quế Sơn được 03 lần (lần 1 nổ mìn còn dư vật liệu nổ tiếp tục cất giấu; lần 2 mua vật liệu nổ về gộp chung với số dư của lần 1 đem ra nổ mìn, số còn dư tiếp tục cất giấu; lần 3 mua vật liệu nổ về gộp chung với số dư của lần 2 đem ra nổ mìn thì bị bắt quả tang). Trong quá trình nổ mìn, bị cáo Th là người trực tiếp chế tạo (bẻ quả nổ làm nhiều đoạn, tra kíp nổ vào từng đoạn) và nhồi các quả nổ vào lỗ khoan, còn bị cáo B là người lấp đất chặt vào các lỗ khoan đã được nhồi thuốc nổ. Sau đó, bị cáo Th trực tiếp đấu nối các đầu dây điện của các quả nổ lại và kích điện nổ mìn (máy phát điện kích nổ là của bị cáo Th mang đến). Cụ thể:

- Lần 1: Vào ngày 10/01/2018, bị cáo Th và B đã nổ mìn được khoảng 13 lỗ khoan, sử dụng hết 0,6 kg thuốc nổ và 13 kíp nổ.

- Lần 2: Cách lần 1 khoảng 4 đến 5 ngày, các bị cáo nổ mìn được khoảng 17 lỗ khoan, sử dụng hết 0,8 kg thuốc nổ và 17 kíp nổ.

Trong quá trình chế tạo quả nổ, bị cáo Th phát hiện có 14 kíp nổ bị hư hỏng (đứt dây điện) nên bỏ luôn xuống lỗ khoan cùng quả nổ để kích nổ.

- Lần 3: Bị cáo Th và B đã khoan được 73 lỗ khoan trước, sáng ngày 25/01/2018 thì B, Th đã chế tạo và nhồi hết 03 kg thuốc nổ, 30 kíp nổ xuống 30 lỗ khoan. Sau đó, bị cáo Th tiến hành đấu nối các đầu dây điện lại với nhau. Khi bị cáo Th làm gần xong thì ông Phùng V Cđi ngang qua và dừng lại xem thì thấy đầu nối dây điện bị lỗi nên ông Cẩm có chỉ cách sửa lại nhưng Th không làm được.

Ông Cẩm đã xuống giúp đấu nối dây điện được khoảng 5 đến 6 lỗ khoan. Khi các đối tượng vừa làm xong chuẩn bị kích nổ thì bị bắt quả tang, thu giữ 7,6 kg thuốc nổ và 16 kíp nổ điện các loại cùng phương tiện, đồ vật có liên quan. Riêng số vật liệu nổ đã được nhồi xuống 30 lỗ khoan (03 kg thuốc nổ và 30 kíp nổ) không thể thu giữ được nên đã thành lập hội đồng kiểm tra xác định vật liệu nổ thực tế và cho tiêu hủy.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSQN-P1 ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam truy tố các bị cáo Nguyễn Duy B, Tô Thành Th về tội “*Tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép vật liệu nổ*” theo điểm b khoản 2 Điều 305 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Bùi Văn D về tội “*Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép, chiếm đoạt vật liệu nổ*” theo khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); truy tố bị cáo Võ H D về tội “*Sử dụng trái phép vật liệu nổ*” theo khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 305, điểm r, s khoản 1, Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy B từ 15 đến 18 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 305, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Tô Thành Th từ 12 đến 15 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Bùi Văn D từ 12 đến 15 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 305, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Võ H D từ 12 đến 15 tháng tù.

Về xử lý vật chứng.

Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

- Tịch thu sung công quỹ: 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu đen gắn 02 sim 0932.599.870 và 0918.658.251; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu đen gắn sim 0905.308.511; 01 ĐTDĐ hiệu Philip màu đen gắn sim 0122.4562.745; số tiền 4.500.000 đồng; 01 xe mô tô không có biển số, sơn đỏ, ghi chữ HONDA Wave α; 01 máy phát điện Engine Switch, vỏ sơn màu đỏ, ghi ký hiệu JD2500-AC220V.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 ống nhựa Ø21 dài 1,9m; 01 cây gỗ sắn dài 2,3m, đường kính trung bình 1,2cm; 06 mũi khoan bằng kim loại, hình lục giác, đường kính 2,2cm, cây dài nhất 2m, cây ngắn nhất 0,5m,

- Trả lại cho anh Lê M T: 01 máy nén khí Hongwu Huan/T13928-2002; 01 búa khoan hơi, 01 đầu gắn ống hơi màu đen.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ch 01 xe mô tô hiệu Yamaha màu đen – bạc BKS 92H3-0544 và 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 000556 do Công an tỉnh Quảng Nam cấp ngày 24/01/2008 mang tên Nguyễn Thị Ch.

- Tịch thu chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý số vật liệu nổ gồm 12 kíp nổ và 6,8kg thuốc nổ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Đầu năm 2017, trong quá trình thi công tại công trình Cụm công nghiệp Quế Cường, huyện Quế Sơn gặp nhiều đá mồ côi nên bị cáo Võ Hồng Đức thuê các bị cáo Nguyễn Duy B, Tô Thành Thphá đá thủ công.

Khoảng giữa năm 2017, bị cáo Bùi Văn D có hành vi chiếm đoạt 12 kg thuốc nổ công nghiệp nhũ tương và nhiều kíp nổ điện K8 tại công trình thi công tuyến đường biên giới thuộc địa phận xã Chơ Chun, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam giấu trong hốc đá gần công trình.

Đến tháng 12/2017, các bị cáo Đ, B, Th đã thỏa thuận với nhau dùng vật liệu nổ để phá đá. Bị cáo Đ cung cấp máy nén khí, búa khoan, cần khoan, còn vật liệu nổ thì bị cáo B, Th tự lo. Bị cáo B và Th đã liên lạc với bị cáo D qua điện thoại để hỏi mua vật liệu nổ. Khoảng giữa tháng 12/2017, bị cáo D vận chuyển 04kg thuốc nổ và 30 kíp nổ K8 từ huyện Nam Giang về cất giấu tại vườn nhà ở xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc để bán cho các bị cáo B, Th. Tháng 01/2018, bị cáo D tiếp tục chiếm đoạt khoảng 05 chiếc kíp nổ visai tại công trình sân vận động huyện Nam

Giang, rồi hai lần vận chuyển vật liệu nổ bằng xe mô tô, mỗi lần 04 kg thuốc nổ và 30 kíp nổ từ huyện Nam Giang về huyện Đại Lộc cất giấu để bán cho bị cáo B, Th. Mỗi lần sau khi mua được vật liệu nổ thì các bị cáo B, Th đều vận chuyển về xã Quế Cường, huyện Quế Sơn cất giấu tổng cộng 12 kg thuốc nổ và 90 kíp nổ các loại với giá 4.500.000 đồng.

Từ ngày 10 đến ngày 14/01/2018, bị cáo B và Th đã hai lần sử dụng 1,4 kg thuốc nổ và 30 kíp nổ để nổ mìn phá đá. Bị cáo Đ đã nghiệm thu được hai đợt nổ mìn phá đá này. Đến sáng ngày 25/01/2018, bị cáo B và Th tiếp tục nhồi 03 kg thuốc nổ và 30 kíp nổ vào 30 lỗ khoan trong số 73 lỗ khoan đã khoan trước đó nhưng chưa kíp kích nổ thì bị bắt quả tang, tạm giữ tang vật là 7,6 kg thuốc nổ, 16 kíp nổ điện.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Duy B, Tô Thành Th phạm tội *“Tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép vật liệu nổ”* theo điểm b khoản 2 Điều 305 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); bị cáo Bùi Văn D phạm tội *“Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép, chiếm đoạt vật liệu nổ”* theo khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); bị cáo Võ H D phạm tội *“Sử dụng trái phép vật liệu nổ”* theo khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Cáo trạng số 04/CT-VKSQN-P1 ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Vật liệu nổ là mặt hàng nguy hiểm, nó có khả năng gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của con người và trật tự an toàn xã hội. Do tính nguy hiểm nêu trên nên Nhà nước quản lý chặt chẽ các loại vật liệu nổ, mọi hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng mặt hàng này đều phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Các bị cáo đều hiểu biết quy định của pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện hành vi tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán vật liệu nổ. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến an toàn xã hội và trật tự công cộng. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra để cải tạo giáo dục, đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo là đồng phạm trong vụ án nhưng không có tính tổ chức chặt chẽ, chỉ đồng phạm mang tính giản đơn, các bị cáo B, Th, Dũng đều là những người trực tiếp thực hiện hành vi. Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự; các bị cáo B, Th, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo Bùi Văn D, Võ H D có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quá trình điều tra các bị cáo tự thú khai nhận ra các hành vi vi phạm trước đó, các bị cáo đã thành khẩn khai báo,

ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo Dũng giao nộp lại số tiền 4.500.000 đồng nhằm khắc phục hậu quả. Bị cáo Th có thân nhân là liệt sĩ; bị cáo Đ có cha ruột Võ Văn Phúc là thương binh hạng 4/4, bà nội Lê Thị Quyên là mẹ Việt Nam anh hùng; bị cáo B có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Nguyễn Duy B, Tô Thành Th, Bùi Văn D đã bị tạm giam một thời gian, cũng đủ tính răn đe để các bị cáo suy ngẫm về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Võ H D chỉ tham gia trong vụ án “*Sử dụng trái phép vật liệu nổ*” với vai trò giúp sức. Các bị cáo đều đang có cuộc sống ổn định, có nơi cư trú rõ ràng. Từ những nhận định trên, xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội mà để cho các bị cáo có cơ hội tự cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương theo Điều 65 Bộ luật hình sự, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Đối với số vật liệu nổ mà bị cáo Dũng chiếm đoạt của Công ty CPĐT&XD TNXP Đà Nẵng, công ty đã có công văn gửi Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Nam xác nhận không yêu cầu đền bù giá trị vật liệu nổ bị chiếm đoạt là 1.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hành vi của ông Phùng V Cđầu nối dây điện cho khoảng 05 – 06 lỗ khoan đã nhồi vật liệu nổ giúp các bị cáo B, Th vào ngày 25/01/2018 không đủ khối lượng vật liệu nổ để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các vật chứng gồm: 01 máy nén khí Hongwu Huan/T13928-2002; 01 búa khoan hơi, là tài sản của anh Lê Minh Tú, bị cáo Đ mượn để thực hiện nổ mìn phá đá nhưng chưa thông báo cho anh Tú biết cần trả lại cho anh Tú;

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha màu đen – bạc BKS 92H3-0544 do chị Nguyễn Thị Ch - là vợ bị cáo Dũng đứng tên chủ sở hữu và 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 000556 do Công an tỉnh Quảng Nam cấp ngày 24/01/2008 mang tên Nguyễn Thị Ch; xe này bị cáo Dũng sử dụng để vận chuyển vật liệu nổ nhưng không cho chị Chính biết nên cần giao trả lại cho chị Chính.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 92G1-153.48 mà các bị cáo Th, B sử dụng để vận chuyển vật liệu nổ từ nhà bị cáo Dũng về xã Quế Cường, huyện Quế Sơn, qua xác minh đây là xe của Tô T N - con của bị cáo Th. Anh Na đi làm xa, để xe ở nhà nên bị cáo Th tự ý sử dụng để vận chuyển vật liệu nổ, việc này anh Na không biết, nên không xem xét trách nhiệm.

- Đối với các vật chứng gồm: 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu đen gắn 02 sim 0932.599.870 và 0918.658.251 (thu giữ của bị cáo B); 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu

đen gắn sim 0905.308.511 (thu giữ của bị cáo Th); 01 ĐTDĐ hiệu Philip màu đen gắn sim 0122.4562.745 (thu giữ của bị cáo D); 01 máy phát điện Engine Switch, vỏ sơn màu đỏ, ghi ký hiệu JD2500-AC220V; 01 xe mô tô không có biển số, sơn đỏ, ghi chữ HONDA Wave α (qua giám định và xác minh xe có BKS 92N4-3058, chủ sở hữu Tô Thành Th. Đây là phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc, trao đổi, mua bán, sử dụng trái phép vật liệu nổ, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung công quỹ.

- Đối với số tiền 4.500.000 đồng mà bị cáo Dũng tự nguyện giao nộp, đây là số tiền bị cáo Dũng thu lợi từ việc mua bán trái phép vật liệu nổ nên cần tịch thu sung công quỹ.

- Đối với: 01 ống nhựa Ø21 dài 1,9m; 01 cây gỗ sần dài 2,3m, đường kính trung bình 1,2cm; 06 mũi khoan bằng kim loại, hình lục giác, đường kính 2,2cm, cây dài nhất 2m, cây ngắn nhất 0,5m, được gom thành một bộ giá trị sử dụng không lớn cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy B, Tô Thành Th phạm tội “*Tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép vật liệu nổ*”; bị cáo Bùi Văn D phạm tội “*Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép, chiếm đoạt vật liệu nổ*”; bị cáo Võ H D phạm tội “*Sử dụng trái phép vật liệu nổ*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 305, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy B 18 tháng tù (Được trừ 04 tháng 12 ngày đã bị tạm giam, thời gian còn lại 13 tháng 18 ngày) nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (Ba sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Duy B cho Ủy ban nhân dân xã HA, huyện QS, tỉnh QN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 305, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Tô Thành Th 15 tháng tù (Được trừ 04 tháng 12 ngày đã bị tạm giam, thời gian còn lại 10 tháng 18 ngày) nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Tô Thành Th cho Ủy ban nhân dân xã QC, huyện QS, tỉnh QN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Bùi Văn D 15 tháng tù (Được trừ 27 ngày đã bị tạm giam, thời gian còn lại 14 tháng 03 ngày) nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Đại H, huyện ĐL, tỉnh QN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 305, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Võ H D 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/8/2018.

Giao bị cáo Võ H D cho Ủy ban nhân dân xã BN, huyện Th B, tỉnh QN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp các bị cáo B, Th, Dũng, Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 ống nhựa Ø 21 dài 1,9m; 01 cây gỗ sần dài 2,3m đường kính trung bình 1,2cm; 06 mũi khoan bằng kim loại, hình lục giác, đường kính 2,2cm, cây dài nhất 2m, cây ngắn nhất 0,5m.

- Tịch thu sung công quỹ: 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu đen gắn 02 sim 0932.599.870 và 0918.658.251; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu đen gắn sim 0905.308.511; 01 ĐTDĐ hiệu Philip màu đen gắn sim 0122.4562.745; số tiền 4.500.000 đồng; 01 máy phát điện Engine Switch, vỏ sơn màu đỏ, ghi ký hiệu JD2500-AC220V; 01 xe mô tô không có biển số, sơn đỏ, ghi chữ HONDA Wave α.

- Trả lại cho anh Lê M T: 01 máy nén khí Hongwu Huan/T13928-2002; 01 búa khoan hơi.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ch 01 xe mô tô hiệu Yamaha màu đen – bạc BKS 92H3-0544 và 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 000556 do Công an tỉnh Quảng Nam cấp ngày 24/01/2008 mang tên Nguyễn Thị Ch.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 29/5/2018. Giấy đăng ký xe

mô tô được chuyển theo bản án. Riêng số tiền mặt 4.500.000 đồng đang tạm gửi tại Kho bạc nhà nước Quảng Nam theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 27/3/2018).

- Giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam xử lý theo quy định của pháp luật đối với: 12 kíp nổ (10 kíp nổ K8, 02 kíp nổ Visai); 6,8kg thuốc nổ gồm: (01 bao lát màu xanh chứa 21 thỏi dài khoảng 22cm, đường kính khoảng 3,2cm trọng lượng 4,2kg, 01 bao lát màu trắng chứa 13 thỏi dài khoảng 22cm, đường kính khoảng 3,2cm trọng lượng 2,6kg). *(Vật chứng do Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Nam quản lý theo Biên bản niêm phong ngày 26/01/2018).*

Về án phí hình sự sơ thẩm: buộc các bị cáo Nguyễn Duy B, Tô Thành Th, Bùi Văn D, Võ H D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/8/2018). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Quảng Nam;
- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam;
- Văn phòng Công an huyện Quế Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thọ